

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC / CAO ĐẲNG
NGÀNH ĐÀO TẠO: CỬ NHÂN TIẾNG ANH
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

- 1.1 Tên môn học:** Nghe Nói 1
1.2 Mã môn học: ENGL1304
1.3 Trình độ: Đại học / Cao đẳng
1.4 Ngành: Cử nhân Tiếng Anh
1.5 Khoa phụ trách: Khoa Ngoại ngữ
1.6 Số tín chỉ: 3 (45 tiết)
1.7 Yêu cầu đối với môn học:
- Điều kiện tiên quyết: Không có
 - Yêu cầu khác: Không có

1.8 Yêu cầu đối với sinh viên:

- Tham dự lớp ít nhất 80% số tiết quy định.
- Tự học các phần nội dung được chương trình và giáo viên quy định.
- Tự trang bị giáo trình học tập chính.
- Tham gia các hoạt động lớp do giáo viên tổ chức.

2. MÔ TẢ MÔN HỌC VÀ MỤC TIÊU

2.1 Môn Nghe Nói 1 là môn thực hành kỹ năng nghe nói đầu tiên trong 6 cấp độ Nghe Nói của chương trình đào tạo cử nhân Tiếng Anh bậc đại học / 4 cấp độ của chương trình đào tạo cử nhân Tiếng Anh cao đẳng. Đây cũng là môn điều kiện để sinh viên có thể học tiếp môn Nghe Nói 2.

Ngoài việc thực hành giao tiếp ngôn ngữ nói bằng Tiếng Anh ở trình độ sơ trung cấp (pre-intermediate), môn học còn giúp sinh viên từng bước phát triển các kỹ năng mềm, đặc biệt là khả năng tự học và khả năng làm việc nhóm.

2.2 Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể nghe hiểu nội dung chính các bài hội thoại và bài nói ngắn ở mức độ sơ trung cấp, và có thể giao tiếp về những chủ đề thông dụng hàng ngày.

3. HỌC LIỆU

3.1 Giáo trình chính:

- Tanka, Judith & Most, Paul. 2007. *Interactions One: Listening/ Speaking*, Silver Edition, McGraw-Hill.
- Rogers, Bruce. 2002. *Peterson's TOEFL CBT Success*, Thompson.

3.2 Một số tài liệu tham khảo:

- Anderson, Jason. 2006. *Role Plays for Today*. Delta Publishing.
- Gammidge, Mick. 2004. *Speaking Extra: A resource book of multi-level skills activities*. Cambridge University Press.
- Jones, Leo. 2002. *Let's Talk 1*. Cambridge University Press
- Helgesen, Marc & Brown, Steve. 1994. *Active Listening One: Building Skills for Understanding*. Cambridge University Press.
- Miller, George S. 2000. *Cracking the TOEFL*. Princeton Review Publishing.
- Pyle, Micheal A. & Page, Mary Ellen Munos. 2001 – 2002. *Cliff TOEFL, Preparation Guide*. 5th ed. ETS.
- Pamela, Shape J. 2001. *How to Prepare for the TOEFL®*, 10th ed. Baron's Educational, Inc.
- Ramsey, Gaynor & Rees-Parnall, Hilary. 1989. *Well Spoken*. Longman.
- Richards, Jack C. 1997. *New Interchange One & Two*, Cambridge University Press.
- Richards, Jack C. 1995. *Listen for it*. Oxford University Press.
- Gallagher, Nancy. 2004. *DELTA's Key to the TOEFL® Test*. Delta Publishing Co.
- Wilson, Warren & Barnard, Roger. 1998. *Fifty-Fifty One: A Course in Communicative English*. Longman.

4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá qua các tiêu chí như sau:

1. Tham gia các hoạt động lớp (*class participation*):
 - Sinh viên tham gia hoạt động lớp được cộng điểm thưởng vào phần thi nói cuối khóa.
 - Phần điểm thưởng không quá 40% phần điểm thi nói.
2. Thi Nghe cuối khóa (*end-of-course listening test*):

Dạng câu hỏi	Số lần nghe	Số câu hỏi	Thang điểm (10 điểm)
Trả lời ngắn (<i>short answers for main ideas or details</i>)	02	10	02
Điền từ vào bài tóm tắt/ dàn ý cho sẵn (<i>summary/outline filling</i>)	02	15	03
Trắc nghiệm (<i>TOEFL multiple choice questions for short conversations</i>)	01	25	05

☞ *Ghi chú:* Nội dung các bài nghe bao gồm các phần được học trong lớp, phần tự học (xem mục 5.2. – phân bố chương trình) và phần nội dung mới (do giáo viên quy định).

3. Thi Nói cuối khóa (*end-of-course speaking test*):

Hình thức	Nội dung	Thang điểm (10 điểm)
Phỏng vấn (GV ⇌ SV) (<i>interview</i>)	Trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân (<i>factual information of personal kind</i>)	05
Đàm thoại (SV ⇌ SV) (<i>conversations</i>)	Hỏi đáp dựa trên gợi ý cho sẵn (<i>question and answer using prompt materials</i>)	05

☞ *Ghi chú:* Nội dung các câu hỏi thi nói phù hợp với mục tiêu thực hành trong chương trình học. Sinh viên không được giáo viên cho câu hỏi trước.

4. Điểm môn học:

$$\text{Điểm môn học} = (\text{điểm thi nghe} + \text{điểm thi nói}) / 2$$

5. NỘI DUNG CHI TIẾT MÔN HỌC

5.1 Tóm tắt nội dung:

Trong chương trình Nghe Nói 1, sinh viên sẽ được:

- Luyện tập nghe hiểu và thực hành các kỹ năng đàm thoại cơ bản (*basic listening and conversational strategies*) sau:
 - nghe và phân biệt các từ có dấu nhấn (*stressed words*), và dạng rút gọn thông dụng trong ngôn ngữ nói (*reductions*),
 - nghe hiểu các ý chính của hội thoại,
 - thực hành các giao tiếp trong các tình huống xã hội (*social interactions*), nhấn mạnh kỹ năng trao đổi thông tin (*information exchange*), miêu tả sự vật và diễn đạt các thông tin cá nhân (*factual description of personal and non-personal kinds*), và diễn đạt ý kiến (*expressing opinions*)
- Làm quen và thực hành phần 1 bài thi nghe TOEFL – nghe các mẫu hội thoại ngắn (*listening for short conversations*), tập trung vào những kỹ năng để làm bài thi TOEFL giấy.

5.2 Nội dung chi tiết môn học:

Time (period)	Learning objectives	Suggested resources	Notes
6	<ul style="list-style-type: none"> ▪ To practice predicting the content before listening. (1) ▪ To listen to a conversation and distinguish between main ideas and details. (2) ▪ To identify and practice stressed words. (3) ▪ To compare and practice reduced and unreduced of simple present tense auxiliaries and some prepositions. (4) ▪ To distinguish and pronounce among <i>-s</i> endings (5) ▪ To introduce oneself using casual expressions for making friends. (6) ▪ To listen to a presentation and practice summarizing ideas using key words. (7) ▪ To practice using context clues to guess the correct answers to questions. (8) ▪ To discuss body language. (9) 	<p>(1 – 9) Tanka & Most (2007), p. 4-17 (1) Wilson & Barnard (1998), p.p.68-72 (1) Jones (2002), p.p. 2-3, 10-2. (6) Richards (1997), p.p.2-5 (6) Wilson & Barnard, p.p.2-4 (9) Richards (1997), p.p. 5-7 (9) Ramsey (1994), p.p. 15-7</p>	
3	<ul style="list-style-type: none"> ▪ To focus on the TOEFL test: 3. Listening for key words (1) 4. Identifying sound confusion (2) 5. Identifying homonyms and words with multiple meanings (3) 	<p>(1) Gallagher (2004), p.p. 36-40 (1) Miller (2000), p.p. 22-6 (2) Rogers (2002), p.p. 22-4 (3) Rogers (2002), p.p. 25-8 (3) Miller (2000), p.p. 30-4</p>	<p>Basic strategies are introduced and practiced in class; Students are expected to do more home listening of the same types.</p>
6	<ul style="list-style-type: none"> ▪ To listen to a conversation and distinguish between main ideas and details. (1) ▪ To identify and practice stressed words. (2) ▪ To compare and practice reduced and unreduced of auxiliaries and some prepositions. (3) ▪ To distinguish and pronounce <i>can</i> and <i>can't</i>. (4) ▪ To talk about abilities. (5) ▪ To listen to a story and practice summarizing ideas using key words.(6) ▪ To practice using context clues to identify seasons. (7) ▪ To talk about the weather and seasons. (8) ▪ To express likes and dislikes. (9) ▪ To discuss vacation plan. 	<p>(1 - 9) Tanka & Most (2004), p. p. 25-38 (2) Richards (1995), p. p.12, 38 (2) Richards (1995), p. 76 (7 – 8) Jones (2002), p.p. 14-7</p>	<p>(2), (4), (5), (6), (7), & (8) are for self-study.</p>

Time (period)	Learning objectives	Suggested resources	Notes
3	<ul style="list-style-type: none"> ▪ To focus on the TOEFL test: 6. Listening for idioms (1) 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Gallagher (2004), p.p. 41-7 (1) Rogers (2002), p.p. 29-33 (1) Miller (2002), p.p.34-47 	<p>Basic strategies are introduced and practiced in class; Students are expected to do more home listening of the same types .</p>
6	<ul style="list-style-type: none"> ▪ To listen to a conversation and distinguish between main ideas and details. (1) ▪ To identify and practice stressed words. (2) ▪ To compare and practice reduced and unreduced forms. (3) ▪ To distinguish and practice saying <i>teen</i> and <i>ten</i>. (4) ▪ To listen to radio advice on healthy eating and take note on causes and effect. (5) ▪ To interview and compare eating habits (6) ▪ To practice using context clues to guess locations. (7) ▪ To practice ordering food in a restaurant. (8) ▪ To listen and take notes on a process. (9) ▪ To describe a process of making recipe. (10) 	<ul style="list-style-type: none"> (1 – 10) Tanka & Most (2007), p. 43-58 (4) Richards (1995), p.p.19-22, 49-52 (6) Jones (2002). p.26 (8) Richards (1997), (1) p.p.80 – 84 (9) Ramsey (1994), p.p.13-4 (9 - 10) Richards (1997), (2) p.p. 20-25 	<p>(1), (2), (4), (6), (7), (8) & (10) are for self-study.</p>
3	<ul style="list-style-type: none"> ▪ To focus on the TOEFL test: 7. Listening for Conditionals, Causatives, and Modals (1) 8. Listening for negative expressions (2) 9. Listening for time, quantity, and comparisons (3) 10. Understanding intonation (4) 	<ul style="list-style-type: none"> (1 - 4) Gallanger (2004), p.p. 51-66 	<p>Basic strategies are introduced and practiced in class; Students are expected to do more home listening of the same types.</p>
6	<ul style="list-style-type: none"> ▪ To talk about running errands. (1) ▪ To identify and practice stressed words.(2) ▪ To compare and practice reduced and unreduced forms. (3) ▪ To describe a location in the city. (4) ▪ To describe the neighborhood. (5) ▪ To listen and follow directions. (6) ▪ To listen to a conversation and take notes using a concept map to make comparisons (7) ▪ To practice using context clues to guess locations. (8) 	<ul style="list-style-type: none"> (1 – 8) Tanka & Most (2007), p.p. 64-79 (4 – 5) Jones (2002), p.p. 46-8 (4 – 5) Richards (1997), (1) p.p. 46-51 (6) Richards (1995), p.p. 55-6 	<p>(2), (6) & (8) are for self-study.</p>

Time (period)	Learning objectives	Suggested resources	Notes
3	<ul style="list-style-type: none"> ▪ To focus on the TOEFL test: 11. Listening for dialogues involving agreements & disagreements (1) 12. Listening for dialogues involving suggestions, invitations, offers, and requests (2) 13. Listening for dialogues involving contradictions, assumptions (3) 14. Answering inference questions about dialogues (4) 	(1 - 4) Rogers (2002), p.p. 34-48	Basic strategies are introduced and practiced in class; Students are expected to do more home listening of the same types.
6	<ul style="list-style-type: none"> ▪ To listen to a conversation and distinguish between main ideas and details.(1) ▪ To identify and practice stressed words.(2) ▪ To compare and practice reduced and unreduced forms. ▪ To distinguish and practice among –ED endings. (3) ▪ To describe a moving day. ▪ To ask for information about apartments. (4) ▪ To describe a house / an apartment. ▪ To listen to a house tour and take notes while separating positive and negative details (5) ▪ To practice making and answering requests. (6) ▪ To practice using context clues to guess what speakers are implying. (7) ▪ To listen and follow house-sitting instructions. (8) 	(1 – 9) Tanka & Most (2007), p.p. 85-98 (4) Jones (2002), p.p. 60-1 (4) Richards (1997), (1) p.p.49-50 (4 – 5) Richards (1997), (2) p.p.14-16	(2), (3), (7), & (8) are for self-study.
3	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Assessment 		End-of-course speaking test

7. GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hoài Minh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh, 97 Võ Văn Tần, Q3
- Địa chỉ liên hệ: ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại, email: 0904421292 - minh.nth@ou.edu.vn

Ban giám hiệu

Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa